

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRƯỜNG THPT DẠ HUOAI

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10
Năm học: 2025 - 2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập					Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
1	NGUYỄN TƯỜNG	VY	20/01/2010	Nữ	Kinh		1.5	10	10	10	10	41.5	9.0	16.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
2	PHÙNG LÊ MAI	KHANH	10/03/2010	Nữ	Nùng	1.0		10	10	10	10	41.0	9.1	17.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
3	NGUYỄN HÙNG	MINH	21/03/2010	Nam	Mường	1.0		10	10	10	10	41.0	9.1	17.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
4	BUI HÀ ANH	THU	08/03/2010	Nữ	Mường	1.0		10	10	10	10	41.0	8.9	17.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
5	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/01/2010	Nữ	Kinh		0.5	10	10	10	10	40.5	9.6	18.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
6	TRƯƠNG GIA	NGHI	07/10/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.6	18.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
7	NGUYỄN NGỌC	ÂN	28/08/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.6	18.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
8	ĐOÀN LÊ NHÃ	THY	02/12/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.5	18.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
9	NGUYỄN LÊ KHÁNH	THU	20/01/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.4	18.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
10	ĐỖ KHÁNH	NGÂN	24/10/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	18.4	Trường THCS Madaguoi		NV1	
11	TRẦN TUỆ	NHI	25/07/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.3	17.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
12	VŨ NGUYỄN HÀNG	NGA	01/11/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	18.1	Trường THCS Dạ Cai		NV1	
13	LÊ GIA	NGHĨA	08/02/2010	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	18.0	Trường THCS Madaguoi		NV1	
14	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	26/08/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	17.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
15	TRẦN SONG	NHI	25/07/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	17.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
16	VŨ MỸ BÍCH	NGÂN	22/02/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.2	17.5	Trường THCS Madaguoi		NV1	
17	LÊ THỊ BÍCH	THUY	11/11/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.1	18.0	Trường Tiên Học và THCS Dạ Tồn		NV1	
18	ĐỖ QUANG	THANH	01/05/2010	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.1	17.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
19	LÊ NGUYỄN MINH	TRÍ	20/02/2010	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.1	17.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
20	PHÙNG THỊ MAI	ANH	20/07/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.0	18.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
21	NGÔ LÊ MINH	TRÍ	17/07/2010	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.0	17.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
22	NGUYỄN NGỌC TUYẾT	NHI	02/01/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	9.0	17.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
23	TRỊNH HOÀNG MINH	THY	25/10/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.9	16.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
24	PHẠM THỊ NGỌC	MỸ	11/09/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	17.6	Trường THCS Dạ Cai		NV1	
25	VŨ NGỌC DIỆU	THẢO	12/04/2010	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	16.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
26	TRẦN NHƯ KHANG	HUY	Đồng Nai	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	16.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
27	PHÙNG NGUYỄN NHẢ	THANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	16.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
28	NGUYỄN THÀNH	ĐÔNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.8	15.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
29	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.7	17.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
30	PHAN THANH	HOÀI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.7	17.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
31	DƯƠNG HUỲNH BẢO	QUYÊN	Đà Huoi - Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.7	16.9	Tiêu học và trung học cơ sở Phú An		NV1
32	HUỲNH TÂN	ĐỎ	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.7	16.9	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tôn		NV1
33	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.7	16.7	Trường THCS Madaguoi		NV1
34	TRỊU HOÀNG ĐỎ	QUYÊN	Đồng Nai	Nữ	Nhưng	1.0		10	9	10	10	40.0	8.7	15.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
35	NGUYỄN PHẠM CHÂU	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.6	16.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
36	ĐÀO TÂN HẠ	QUYÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.5	15.8	Trường THCS Madaguoi		NV1
37	NGUYỄN MINH	HIẾU	Đồng Nai	Nam	Kinh			10	10	10	10	40.0	8.4	15.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
38	TRẦN UYÊN	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.1	17.8	Trường THCS Madaguoi		NV1
39	LÊ NGỌC BẢO	THY	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	9.1	17.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
40	LÝ TIÊU	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.9	17.3	Trường THCS Madaguoi		NV1
41	ĐỖ NGỌC THÙY	LÂM	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.9	17.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
42	HUỲNH NGUYỄN THOẠI	ANH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.9	17.2	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tôn		NV1
43	VÕ PHAN MỸ	CHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.8	17.1	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tôn		NV1
44	NGUYỄN NGỌC	MAI	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.8	17.1	Trường THCS Madaguoi		NV1
45	NGUYỄN HÀ	MỸ	Đồng Nai	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.7	16.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
46	KÀ THIÊN	KIM	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mã	1.0		9	9	10	10	39.0	8.7	16.3	Trường THCS Đà Oai		NV1
47	HOÀNG LƯU QUANG	VINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.6	16.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
48	LÊ VIỆT MINH	GIA	Quảng Nam	Nam	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.6	16.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
49	PHẠM VIỆT	HÀ	Hà Tĩnh	Nam	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.5	16.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
50	NGUYỄN THẢO	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10	39.0	8.5	16.2	Trường THCS Đà Oai		NV1
51	PHẠM	QUYÊN	Đắk Lắk	Nữ	Mnông	1.0		9	9	10	10	39.0	8.5	16.1	Trường THCS Madaguoi		NV1
52	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10	39.0	8.5	15.7	Trường THCS Đà Oai		NV1
53	TRẦN BẢO	MINH	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	10	10	10	39.0	8.4	16.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)**	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú	
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
54	CAO MINH	22/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10		39.0	8.4	16.1	Trường THCS Madaguoi		NV1
55	BÙI THỊ THẢO	03/04/2010	Bình Dương	Nữ	Kinh			10	10	9	10		39.0	8.4	15.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
56	VÕ ĐẶNG KIỀU	18/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	10	10		39.0	8.4	15.5	Trường THCS Madaguoi		NV1
57	LÊ THANH	18/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	10		39.0	8.2	15.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
58	NGUYỄN THANH	07/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	10		39.0	8.2	15.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
59	HÀN ĐỨC	12/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	10		39.0	8.2	15.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
60	NGUYỄN TRÍ	10/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	8	10	10		38.0	8.8	17.0	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tồn		NV1
61	NGÔ VÕ KIM	16/07/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	10	9	10		38.0	8.8	16.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
62	NGUYỄN THẾ	06/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	10		38.0	8.7	15.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
63	VŨ LÊ THẢO	26/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	10	9	10		38.0	8.6	17.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
64	NGUYỄN THỊ THU	06/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	10		38.0	8.6	16.8	Trường THCS Đà Oai		NV1
65	NGUYỄN HOÀNG ANH	05/08/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	10	10		38.0	8.6	16.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
66	DƯƠNG PHAN THANH	06/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	9	9	10		38.0	8.5	17.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
67	KHÚC THỊ BÍCH	06/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	10		38.0	8.5	16.5	Trường THCS Đà Oai		NV1
68	NGUYỄN BẢO	04/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	10	10		38.0	8.5	15.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
69	NGUYỄN CẨM	07/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	10	9		38.0	8.3	15.9	Trường THCS Đà Oai		NV1
70	NGUYỄN ĐĂNG ANH	13/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	10	10		38.0	8.2	15.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
71	ĐINH VŨ ĐỨC	11/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	10	10	8		38.0	8.2	14.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
72	NGUYỄN NAM	15/11/2009	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	1.0		9	9	9	10		38.0	8.1	14.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
73	NGUYỄN XUÂN	23/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	10	10	9		38.0	7.9	16.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
74	NGUYỄN HỒNG	31/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	10	9	9		38.0	7.9	14.6	Trường THCS Đà Oai		NV1
75	DƯƠNG HỒNG	13/03/2010	Gia Lai	Nam	Kinh			10	10	10	8		38.0	7.8	13.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
76	LÊ KIM	02/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37.0	8.7	16.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
77	NGUYỄN TUẤN	30/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37.0	8.5	16.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
78	NGUYỄN HỒNG TRÀ	12/10/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37.0	8.5	16.1	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tồn		NV1
79	NGUYỄN KỶ	13/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37.0	8.5	16.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
80	LÊ ĐỨC	12/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			10	8	9	10		37.0	8.5	15.9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
81	PHẠM THUY	01/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	8	10	10		37.0	8.5	15.9	Trường THCS Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập					Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
82	HOÀNG PHẠM BẢO AN	18/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,5	15,0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
83	PHẠM THỊ ANH MAI	03/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9		37,0	8,4	15,8	Trường THCS Đa Oai		NV1
84	LÊ NGUYỄN BẢO VY	02/02/2010	Đông Nai	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,4	15,5	Trường THCS Madaguoi		NV1
85	ĐỖ THỊ HỒNG TRANG	09/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,4	15,5	Trường THCS Madaguoi		NV1
86	NGUYỄN LÊ KỲ THỰ	05/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9		37,0	8,3	16,3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
87	HUỲNH NGỌC NHỊ	14/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,3	14,9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
88	HÀ XUÂN QUÝ	09/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,2	16,1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
89	LÊ TRONG NGUYỄN	13/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,2	15,7	Trường THCS Madaguoi		NV1
90	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	16/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,2	15,6	Trường THCS Madaguoi		NV1
91	KÀ WİN	21/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu mạ	1,0		9	9	9	9		37,0	8,1	15,1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
92	ĐINH TRONG NHÂN	08/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,1	14,7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
93	TRẦN VIỆT ANH	25/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37,0	8,1	14,6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
94	LÊ QUỲNH HƯƠNG GIANG	03/04/2010	Đông Nai	Nữ	Kinh			10	9	9	9		37,0	8,0	15,3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
95	PHẠM TRẦN KHÁNH CHI	14/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9		37,0	8,0	14,6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
96	TRƯƠNG CAO SÂM	05/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	10		37,0	7,9	15,1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
97	HOÀNG MINH QUÂN	01/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	1,0		9	9	9	9		37,0	7,8	14,9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
98	KÀ WOÀNG Y HẠNH	06/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1,0		9	9	9	9		37,0	7,8	14,5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
99	TÀ HOÀNG KHÁNH AN	06/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			10	9	9	9		37,0	7,5	12,6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
100	LÂM NGUYỄN NHẬT MINH	02/05/2010	Quảng Nam	Nam	Kinh			8	9	9	10		36,0	8,3	15,1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
101	PHẠM NGUYỄN LAN ANH	28/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,2	15,3	Trường Tiểu Học và THCS Đa Tôn		NV1
102	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	29/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,2	15,2	Trường THCS Madaguoi		NV1
103	NGUYỄN HOÀNG TRÀ MY	23/06/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,1	16,0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
104	LÊ NGỌC THẢO NHƯ	15/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,1	15,8	Trường THCS Madaguoi		NV1
105	LÊ THANH TRÚC	12/07/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	8,1	14,2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
106	TRƯƠNG HOÀNG NAM	21/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,9	13,3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
107	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	09/09/2010	Đông Nai	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,9	12,6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
108	TRẦN NGUYỄN MINH ĐỨC	14/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	15,1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
109	NGUYỄN ĐỖ MAI PHƯƠNG	01/05/2010	Đông Nai	Nữ	Kinh			9	9	9	9		36,0	7,8	14,6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú	
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
110	ĐẶNG TRƯƠNG GIA	BẢO	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,8	14,6	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tân		NV1
111	NGÔ NGỌC THANH	HUYỀN	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,8	13,7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
112	NGUYỄN NGỌC	HÀI	Đồng Nai	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,8	13,6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
113	LÊ NGỌ TRÍ	PHONG	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,8	13,6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
114	TRẦN THỊ THU	HIỀN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,7	14,2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
115	NGUYỄN THANH	HOÀNG	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,7	13,1	Trường THCS Đà Oai		NV1
116	PHAN TÂM	AN	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,7	12,9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
117	TRẦN THANH	NGUYỄN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,6	13,9	Trường THCS Madaguoi		NV1
118	NGUYỄN PHÚC GIA	KHANH	Đồng Nai	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,6	13,7	Trường THCS Đà Oai		NV1
119	NGUYỄN ÁNH	ĐĂNG	Bạc Liêu	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,6	13,7	Trường THCS Madaguoi		NV1
120	HOÀNG BẢO	VINH	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,5	13,4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
121	TRẦN THÁI	BÌNH	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,4	13,6	Trường THCS Madaguoi		NV1
122	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,3	13,3	Trường THCS Đà Oai		NV1
123	NGUYỄN TRẦN KIỀU	VY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,3	13,2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
124	TÔNG GIA	PHÚC	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	9	9	9	36,0	7,1	11,7	Trường THCS Madaguoi		NV1
125	TÀ PHAN HOÀNG	VIỆT	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	7	9	10	35,0	8,4	15,7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1	
126	VŨ HỒNG	KHANH	Lâm Đồng	Nam	Kinh			8	9	9	9	9	35,0	8,2	15,0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
127	ĐẶNG MỸ	TIÊN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	9	9	9	35,0	8,2	14,8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
128	NGUYỄN TRẦN MINH	VŨ	Bình Phước	Nam	Kinh			9	9	8	9	9	35,0	8,0	15,4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
129	NGUYỄN VŨ HOÀNG	GIA	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	9	9	9	35,0	7,7	14,1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
130	TRẦN THỊ BÍCH	THÙY	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	8	9	9	35,0	7,7	13,1	Trường THCS Madaguoi		NV1
131	NGUYỄN NGỌC BẢO	NGÂN	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	9	9	9	35,0	7,6	14,1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
132	ĐOÀN QUỲNH	NHƯ	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	9	9	9	9	35,0	7,6	13,9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
133	NGUYỄN NGỌC HUỖN	NHI	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	8	9	9	9	34,0	8,3	15,2	Trường THCS Madaguoi		NV1
134	LƯU NGỌC THÙY	TRANG	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	8	9	9	9	34,0	8,2	15,5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
135	HOÀNG PHI HÂN	HÂN	Đồng Nai	Nữ	Kinh			7	9	9	9	9	34,0	8,0	14,4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
136	LÊ THỊ CHÚC	LÝ	Đồng Nai	Nữ	Kinh			9	9	7	9	9	34,0	7,9	13,4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
137	ĐINH HOÀNG KHÁNH	TUYỀN	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh			7	9	9	9	9	34,0	7,8	14,7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập					Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
138	ĐOÀN THỊ KIM	18/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9		34.0	7.7	12.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
139	NGUYỄN THỊ MỸ	30/01/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	9	9	9		34.0	7.6	14.5	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tồn		NV1
140	PHẠM THỊ KIM	12/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	9	9	9		34.0	7.6	13.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
141	LÊ HUỖN BẢO	04/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	9		34.0	7.6	13.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
142	ĐINH MAI YẾN	12/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9		34.0	7.6	12.9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
143	PHAN ĐỖ ANH	26/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9		34.0	7.5	13.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
144	HÀ PHẠM NGỌC	10/06/2010	Sóc Trăng	Nữ	Kinh			9	7	9	9		34.0	7.4	15.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
145	NGUYỄN NGỌC THUY	18/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	9	9		34.0	7.4	12.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
146	LƯU THỊ CHÚC	04/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	9	7	9		34.0	7.3	13.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
147	PHẠM NGỌC THẢO	13/01/2010	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh			9	9	7	9		34.0	7.2	13.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
148	MAI DUY	14/06/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			6	9	9	9		33.0	8.3	14.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
149	ĐOÀN NHƯ	02/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	9	9	9		33.0	7.7	14.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
150	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	14/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	6	9	9		33.0	7.5	13.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
151	NGUYỄN CÔNG	05/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	8	9	9		33.0	7.3	13.7	Trường Tiểu Học và THCS Đà Tồn		NV1
152	KA VI	18/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		9	7	7	9		33.0	7.2	12.8	Trường THCS Đà Oai		NV1
153	PHẠM QUANG	31/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	1.0		8	6	9	9		33.0	7.2	12.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
154	ĐINH HOÀNG	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	8	8		33.0	7.0	11.9	Trường THCS Đà Oai		NV1
155	NGUYỄN PHAN THẾ	14/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	9	7		33.0	6.9	11.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
156	KA LAN	21/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		9	7	9	7		33.0	6.6	10.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
157	NGUYỄN TRUNG	25/02/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			9	6	7	10		32.0	8.0	14.9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
158	NGUYỄN THỊ NHƯ	18/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	9	9		32.0	7.9	13.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
159	LÊ HOÀNG NGỌC	26/07/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	9	9		32.0	7.8	13.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
160	ĐINH HOÀNG	17/08/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh			7	7	9	9		32.0	7.5	14.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
161	NGUYỄN ANH	27/03/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	6	9		32.0	7.3	14.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
162	NGUYỄN BẢO	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	7	7		32.0	7.3	13.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
163	LÊ THỊ KIM	24/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	9	9		32.0	7.2	12.6	Trường THCS Đà Oai		NV1
164	PHẠM MINH	03/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			9	7	7	9		32.0	6.9	13.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập					Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9							
165	KA CHỨC	11/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	châu mạ	1.0		9	9	6	7		32.0	6.7	10.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
166	NGUYỄN TUÂN KIẾT	29/04/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh			6	6	9	10		31.0	8.2	14.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
167	NGUYỄN THUY CHÍ	22/12/2009	Đồng Nai	Nữ	Kinh			7	6	9	9		31.0	8.1	15.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
168	LÀ HOÀNG CHUÔNG	13/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	9	9		31.0	7.6	14.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
169	PHAN LÂM NHƯ TRÚC	12/06/2010	Đồng Nai	Nữ	Kinh			8	7	9	7		31.0	7.3	12.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
170	ĐỖ VIỆT ANH	18/03/2010	Hưng Yên	Nam	Kinh			6	7	9	9		31.0	7.3	12.4	Trường THCS Madaguoi		NV1
171	VÕ XUÂN QUỐC	10/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	8	9		31.0	7.2	13.9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
172	NGUYỄN GIA BẢO	15/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	8	8	6		31.0	7.2	13.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
173	KA KIM DIÊN	20/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		7	7	7	9		31.0	7.1	12.3	Trường THCS Dạ Oai		NV1
174	KA NGÀ	01/02/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		7	9	7	7		31.0	6.9	11.4	Trường THCS Madaguoi		NV1
175	PHẠM HOÀNG LÂM	18/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	9	7	6		31.0	6.0	11.4	Trường THCS Dạ Oai		NV1
176	NGUYỄN THÀNH NHÂN	28/11/2010	Quảng Nam	Nam	Kinh			7	7	7	9		30.0	7.9	15.9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
177	TRẦN ĐỖ TRÍ DŨNG	24/09/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			6	8	7	9		30.0	7.6	13.9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
178	ĐẶNG THỊ KIEU YÊN	29/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	9		30.0	7.6	12.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
179	LƯU THANH PHÚC	08/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			8	6	7	9		30.0	7.5	12.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
180	NGUYỄN DĂNG BẢO AN	06/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	9		30.0	7.4	14.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
181	NGUYỄN ĐỨC THÁI DƯƠNG	05/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	8	9		30.0	7.4	14.0	Trường Tiểu Học và THCS Dạ Tôn		NV1
182	NGUYỄN TIẾN DŨNG	11/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	9	7		30.0	7.1	13.0	Trường THCS Dạ Oai		NV1
183	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	11/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	9		30.0	7.0	12.4	Trường THCS Dạ Oai		NV1
184	NGUYỄN ĐÌNH QUYÊN	17/10/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	8	8	8		30.0	6.9	12.4	Trường THCS Madaguoi		NV1
185	MÙA A THỨC	01/10/2010	Sơn La	Nam	Mông	1.0		7	6	7	9		30.0	6.8	11.7	Trường THCS Madaguoi		NV1
186	ĐỖ TRÍ TOÀN	15/05/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			7	9	7	7		30.0	6.8	11.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
187	PHẠM TIẾN DŨNG	24/06/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh			7	9	8	6		30.0	6.6	11.9	Trường THCS Madaguoi		NV1
188	NGUYỄN THỊ THU THỦY	14/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	7	9		29.0	7.6	14.0	Trường THCS Madaguoi		NV1
189	DƯƠNG NGỌ HẢI THIÊN	15/12/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh			7	7	6	9		29.0	7.4	12.9	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
190	ĐOÀN NHẬT TÂN	14/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	8	6	9		29.0	7.2	13.0	Trường THCS Madaguoi		NV1
191	LÀ TRUNG KIÊN	19/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			9	6	6	8		29.0	6.7	11.8	Trường THCS Madaguoi		NV1
192	K' NIÊN	14/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Châu Mạ	1.0		7	7	7	7		29.0	6.7	11.7	Trường THCS Dạ Oai		NV1
193	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	26/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	6	9		29.0	6.7	11.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập				Tổng điểm	ĐTB	Toán + văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
								Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9						
194	NGUYỄN PHƯỚC HUY	26/11/2009	Đồng Nai	Nam	Kinh			9	7	6	7	29.0	6.7	10.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
195	K' LUTIONG KHOA	08/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Châu Mạ	1.0		7	7	7	7	29.0	6.6	11.9	Trường THCS Đa Oai		NV1
196	KA SƯÔNG	13/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		7	7	7	7	29.0	5.9	10.9	Trường THCS Madaguoi		NV1
197	NGÔ TRONG TUYẾN	09/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	6	7	9	28.0	7.6	13.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
198	NGUYỄN TRUNG HIẾU	19/03/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	9	28.0	7.1	12.7	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
199	TRẦN XUÂN PHÚC	14/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	9	28.0	7.1	12.5	Trường THCS Madaguoi		NV1
200	NGUYỄN HOÀNG NGUYỄN	02/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	7.1	12.1	Trường THCS Đa Oai		NV1
201	ĐỖ BẢO NGÂN	29/09/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	1.0		6	7	7	7	28.0	7.1	11.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
202	NGUYỄN DOÃN CẨM VÂN	13/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7	28.0	7.0	13.6	Trường THCS Đa Oai		NV1
203	ĐỒNG NGỌC HẢI	28/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	7.0	12.8	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
204	ĐINH KHẮC KỶ QUANG	23/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	6	9	28.0	7.0	12.6	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
205	ĐINH GIA HUY	20/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			6	7	6	9	28.0	7.0	12.3	Trường THCS Madaguoi		NV1
206	NGUYỄN BẢO THI	04/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.7	10.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
207	KA THỊ YẾN NGỌC	29/04/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		9	6	6	6	28.0	6.6	11.0	Trường THCS Madaguoi		NV1
208	HỮU NGỌC HẢI NGUYỄN	28/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.6	9.5	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
209	NGUYỄN ANH ĐỨC	19/04/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	7	7	28.0	6.4	10.8	Trường THCS Đa Oai		NV1
210	HA K' NHÂN	01/01/2010	Lâm Đồng	Nam	TRUNG	1.0		7	6	7	7	28.0	5.9	10.7	Trường THCS Madaguoi		NV1
211	NGUYỄN ĐẶNG DIỄM QUỲNH	17/11/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	7	7	7	27.0	7.2	12.3	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
212	ĐÀO BÀ HUY	12/08/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	7	7	27.0	7.1	14.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
213	VÕ ĐĂNG KHOA	18/11/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	7	7	27.0	7.1	13.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
214	TÔN THẮT MINH HÙNG	25/04/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			6	7	7	7	27.0	6.6	11.2	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
215	NGUYỄN VĂN HUY	10/11/2010	Hải Dương	Nam	Kinh			7	7	6	7	27.0	6.5	11.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
216	NGUYỄN HỒNG DUY	27/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	7	7	27.0	6.4	11.4	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
217	TRẦN GIA LÂM	03/12/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh			7	7	6	7	27.0	6.3	10.3	Trường THCS Madaguoi		NV1
218	TRẦN ĐÌNH PHONG	16/08/2010	Đồng Nai	Nam	Kinh			7	6	7	7	27.0	6.1	10.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
219	LÊ THỊ THANH HOA	03/05/2010	Lâm Đồng	Nữ	Kinh			6	6	7	7	26.0	7.1	11.0	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1
220	NGUYỄN TÂN MINH HUY	19/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	7	6	6	26.0	6.8	10.7	Trường THCS Madaguoi		NV1
221	KA SƯÔNG	11/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		6	6	6	7	26.0	6.7	11.5	Trường THCS Madaguoi		NV1
222	VŨ THIÊN ẮN	20/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh			7	6	6	7	26.0	6.7	11.1	Trường THCS Thị trấn Madaguoi		NV1

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Điểm UT	Điểm KK	Điểm rèn luyện, học tập					Tổng điểm	ĐTB	Toán + Văn	Tên trường lớp 9	Tuyển thẳng	Ghi chú
223	KI JONG	14/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Châu Mạ	1.0		6	7	6	6	6	26.0	6.5	11.4	Trường THCS Đa Oai		NV1
224	KI	13/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Châu Mạ	1.0		6	6	6	7	7	26.0	6.5	11.2	Trường THCS Đa Oai		NV1
225	KA	15/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Châu Mạ	1.0		6	7	6	6	6	26.0	6.5	10.0	Trường THCS Thị trấn Mədəguai		NV1

Danh sách này có 225 học sinh./

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trường tuyển 225 học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: 0 HS gồm: HS tương PT DTNT: 0 HS, HS khuyết tật: 0 HS

- Số HS nguyên vọng: 1: 225 HS,

Điểm chuẩn NV1 gồm: Tổng điểm: 26.0 điểm; Điểm TBCN lớp 9: 6.5 Điểm; Điểm Toán + Văn: 10.0 điểm

- Số HS nguyên vọng 2: 0 HS,

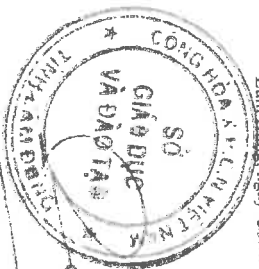
Điểm chuẩn NV2 gồm: Tổng điểm: ... điểm; Điểm TBCN lớp 9: ... Điểm; Điểm Toán + Văn: ... điểm

- Số lớp: 5 lớp; Sĩ số: 45 HS/lớp

Lâm Đồng, ngày 05 tháng 8 năm 2008

KI T C I M Đ O C

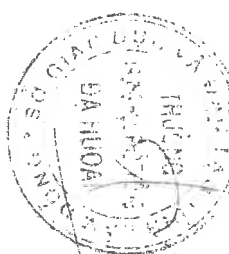
PHO GIAM DUC



TRƯỞNG THỦ ĐO

PHỤ CHU TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Mỹ